

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



CÁC BÀI KỆ TRONG NGHI LỄ
ĐẠO CAO ĐÀI

HIỂN TÀI NGUYỄN VĂN HÔNG

Sưu Tầm và Chú Thích



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2018
hai•không•một•tám

Ebook được làm theo tài liệu trích ra quyển CAO-ĐÀI TỪ ĐIỂN do Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng biên soạn. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, do việc chuyển đổi và trình bày ebook dạng pdf, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 10/02/2024

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

Các Bài Kệ Trong Nghi Lễ
ĐẠO CAO ĐÀI
HIỆN TẠI NGUYỄN VĂN HỒNG





MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
▪ Hướng Dẫn Cách Sử Dụng	8
KỆ CHUÔNG và TRỐNG	9
▪ Kệ Cúng Đại Đàn và Tiểu Đàn	9
▫ Kệ Trống.....	9
▫ Kệ Chuông.....	9
▪ Kệ Chuông Cúng Tứ Thời	10
▫ Kệ Chuông.....	10
Kệ Chuông Nhứt:.....	10
Kệ Chuông Nhì:	10
Kệ Chuông Bãì Đàn:.....	10
▪ Kệ U Minh Chung	11
KỆ CHUÔNG VÀ TRỐNG: DẪN GIẢI	13
▪ Kệ chuông	13
▫ I. Kệ chuông Đại đàn và Tiểu đàn.....	13
▫ II. Kệ chuông cúng Tứ thời.....	15
1. Kệ chuông nhứt:	15
2. Kệ chuông nhì:	16
3. Kệ chuông bãì đàn:.....	18
▪ Kệ trống.....	20
▪ Kệ U Minh chung.....	22
TÀI LIỆU THAM KHẢO	31



LỜI GIỚI THIỆU




TRONG CÁC DỊP ĐÀN LỄ HAY CÚNG TƯ THỜI Ở TÒA-THÁNH, BÁO-ÂN-TỪ CŨNG NHƯ CÁC THÁNH-THẮT, Điện. Thờ Phật-Mẫu ở địa. phương, chư tín hữu ắt đã từng nghe các bài KỆ chuông và trống được ngâm lớn trong những phần nghi lễ của Đạo trong những dịp này.









Những bài Kệ thường bằng chữ Nho (Hán văn), vì thế nếu không hiểu biết Hán tự thì khó mà thấu hiểu ý nghĩa. Để giúp chư quý đồng Đạo thuận tiện trong việc tìm hiểu, hay tham khảo nghĩa lý của các bài Kệ, chúng tôi mạo muội trích phần dẫn giải các bài Kệ từ quyển CAO-ĐÀI Từ Điển do HT Nguyễn Văn Hồng biên soạn, trình bày lại thành quyển ebook này với hi vọng giúp ích phần nào cho chư quý đồng Đạo thuận lợi trong việc tìm kiếm và dễ dàng khi cần tham khảo. Ngoài ra, chúng tôi cũng có thêm vào phần âm thanh để giúp chư đồng Đạo có thể nghe được giọng xướng ngâm các bài kệ:

Sau cùng, vì tài liệu được sưu tầm từ những bản được sao chép lại nhiều lần phổ biến trên mạng lưới toàn cầu (Internet) nên rất có thể có những sơ sót, dù chúng tôi đã cẩn thận đối chiếu nhiều nguồn khác nhau, vì thế khi đọc thấy những lầm lỗi hay thiếu sót nào kính mong chư quý đồng Đạo, Đạo tâm vui lòng điện thư cho chúng tôi được biết để kịp thời chỉnh sửa lại cho thêm phần hoàn hảo. Xin vui lòng gửi điện thư (email) góp ý đến tamnguyen351@live.com, thành kính tri ơn!

Trân trọng,
California, 10/02/2024
Tâm Nguyên

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG

Các bài kệ có biểu tượng (icon)  màu đen, bên góc trái là có phần âm thanh để nghe khi được ấn chuột trái (left click) vào biểu tượng hình cái loa (speaker). Để nghe bài kệ cần theo các hướng dẫn dưới đây – (**Lưu ý**: ebook pdf chứa các bài KỆ được thử nghiệm (tested) cho hiệu quả tốt trên phần mềm **Adobe Reader** và **Foxit PDF Reader**, vì thế nên chọn phần mềm **Adobe Reader** hoặc **Foxit PDF Reader** để đọc và nghe):

- Di chuyển con chuột (mouse cursor) đến biểu tượng (icon)  màu đen bên góc trái bài kệ, nhấn chuột trái (click) vào sẽ nghe được bài kệ. Trong khi nghe bài kệ, biểu tượng sẽ biến thành khung nhỏ có những biểu đồ sóng âm thanh và góc trái phía dưới có biểu tượng 
- Muốn tạm dừng không cần nghe nữa thì nhấn chuột trái vào  biểu tượng sẽ biến thành 
- Để nghe tiếp bài kệ thì nhấn vào biểu tượng 
- Để tắt hẳn thì ấn vào biểu tượng  thì âm thanh bài kệ sẽ tắt và biểu tượng sẽ biến thành 
- Để nghe lại thì ấn chuột trái vào biểu tượng 

Khi sử dụng nếu gặp trở ngại hay khó khăn nào xin vui lòng email đến tamnguyen351@live.com, chúng tôi sẽ cố gắng trả lời nhanh chóng như có thể được.

KỆ CHUÔNG và TRỐNG



KỆ CÚNG ĐẠI ĐÀN VÀ TIỂU ĐÀN^[1]



KỆ TRỐNG

1. LÔI ÂM THÁNH CỔ TRIỆT HƯ KHÔNG,
2. TRUYỀN TẤU CÀN KHÔN THỂ GIẢI THÔNG.
3. ĐẠO PHÁP ĐƯƠNG KIM DƯƠNG CHÁNH GIÁO,
4. LINH QUANG CHIẾU DIỆU NGỌC KINH CUNG.



KỆ CHUÔNG

1. THẦN CHUNG THINH HƯỚNG PHÓNG PHONG ĐÔ,
2. ĐỊA TẠNG KHAI MÔN PHÓNG XÁ CÔ.
3. TAM KỲ VẬN CHUYỂN KIM QUANG HIỆN,
4. SÁM HỐI ÂM HỒN XUẤT U ĐỒ.

[1] Trích từ Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn — 1930

KỆ CHUÔNG CÚNG TỨ THỜI^[1]



KỆ CHUÔNG

KỆ CHUÔNG NHỨT:



1. VĂN CHUNG KHẨU HƯỚNG HUỆ TRƯỞNG CÀN KHÔN,
2. PHÁP GIẢI CHÚNG SANH ĐỒNG ĐĂNG BỈ NGẠN.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

KỆ CHUÔNG NHÌ:



1. NHỨT VI U ÁM TẮT DAI VĂN,
2. NHỨT THIẾT CHÚNG SANH THÀNH CHÁNH GIÁC.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

KỆ CHUÔNG BÃI ĐÀN:



1. ĐÀN TRÀNG VIÊN MÃN, CHỨC SẮC QUI NGUYÊN,
VĨNH MỘC TỪ ÂN, PHONG ĐIỀU VỖ THUẬN.
2. THIÊN PHONG HẢI CHÚNG, QUỐC THỐI DÂN AN,
HỒI HƯỚNG ĐÀN TRƯỞNG, TẬN THẬU PHÁP GIẢI.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

[1] Trích từ Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn — 1930



[2] KỆ U MINH CHUNG

1. HỒNG CHUNG SƠ KHẤU, BẢO KỆ CAO NGÂM.
2. THƯỢNG THÔNG THIÊN ĐÀNG, HẠ TRIỆT ĐỊA PHỦ.
3. KHÁNH CHÚC TAM KỲ HOẰNG KHAI ĐẠI ĐẠO.
4. CÀN KHÔN ĐẠI THỐNG, PHỔ CẬP NGŨ CHÂU.
5. ÂN ĐỨC HÓA THÂM CAO THĂNG ĐẠO VỊ.
6. TAM THẾ TỨ SANH CHI NỘI CÁC MIỄN LUÂN HỒI.
7. CỬU U THẬP LOẠI CHI TRUNG TẤT LY KHỔ HẢI.
8. NGŨ PHONG THẬP VÕ MIỄN TẠO CƠ CẢN CHI TAI.
9. NAM MẪU ĐÔNG GIAO CU TRIÊM NGHIÊU THUẤN CHI NHỰT.
10. CÀN QUA VĨNH TỨC, GIÁP MÃ HỮU CHINH.
11. TRẬN BẠI THƯƠNG VONG CỤ SANH TỊNH ĐỘ.
12. PHI CẨM TỬU THÚ LA VÕNG BẤT PHÙNG.
13. LÃNG TỬ CÔ NHI TẢO HỒI HƯƠNG LÝ.
14. VÔ BIÊN THẾ GIỚI ĐỊA CỬU THIÊN TRƯỜNG.
15. VIỄN CẬN ĐÀN NA TẶNG VIÊN PHƯỚC THỌ.
16. THÁNH TÒA TRẤN TỊNH, ĐẠO PHÁP TRƯỜNG HƯNG.
17. THỔ ĐỊA LONG THẦN AN TẶNG HỘ PHÁP.
18. PHỤ MẪU, SƯ TRƯỞNG, LỤC THÂN QUYẾN THUỘC,
19. LỊCH ĐẠI TIÊN VONG ĐỒNG ĐĂNG GIÁC NGẠN.

[2] Trích từ **Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo** — 1975

20. NAM MÔ HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
21. NAM MÔ ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.
22. NAM MÔ TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THẾ TÔN.
23. NAM MÔ THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
24. NAM MÔ KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THẾ THIÊN TÔN.
25. NAM MÔ THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
26. NAM MÔ LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.
27. NAM MÔ HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.
28. NAM MÔ GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.
29. NAM MÔ THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUẢNG PHÁP THIÊN TÔN
30. NAM MÔ TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.
31. NAM MÔ THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHUỖNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

KỆ CHUÔNG VÀ TRỐNG **DẪN GIẢI**

KỆ: 偈 Những bài thi ngắn hay dài; hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện. Td: Kệ chuông, Kệ trống, Kệ U Minh chung.

KỆ CHUÔNG

A: The short prayer of the great bell.

P: La courte prière de la grande cloche.

- **Kệ:** Những bài thi ngắn hay dài; hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện.
- **Chuông:** cái chuông lớn Hồng chung treo nơi lầu chuông của Thánh Thất hay nơi Điện Thờ.

Kệ chuông là bài kệ để ngâm lớn lên, khi ngâm được một câu thì động một tiếng chuông lớn.

Trước khi cúng đàn và sau khi cúng đàn hay cúng tứ thời tại Thánh Thất, Điện Thờ đều có Kệ chuông.

Sau đây chúng tôi giải thích ý nghĩa các bài kệ chuông:

- Kệ chuông Đại đàn và Tiểu đàn.
- Kệ chuông cúng Từ thời: Kệ chuông 1 và Kệ chuông 2.
- Kệ chuông bãi đàn.

I. KỆ CHUÔNG ĐẠI ĐÀN VÀ TIỂU ĐÀN

Khi Lễ sĩ xướng Bạch Ngọc Chung minh thì người hầu chuông trên Bạch Ngọc Chung Đài (Lầu chuông) khởi sự động 3 tiếng chuông, rồi ngâm bài kệ 4 câu, dứt

mỗi câu thì động một tiếng chuông lớn.

Bài kệ chuông cúng Đại đàn hay Tiểu đàn:

1. THẦN CHUNG THINH HƯỚNG PHÓNG PHONG ĐÔ,
2. ĐỊA TẠNG KHAI MÔN PHÓNG XÁ CÔ.
3. TAM KỲ VẬN CHUYỂN KIM QUANG HIỆN,
4. SÁM HỐI ÂM HỒN XUẤT U ĐỒ.

► VIẾT RA HÁN VĂN:

神鍾聲向放豐都
地藏開門放赦辜
三期運轉金光現
懺悔陰魂出幽途

► GIẢI NGHĨA:

- ❖ C.1: Tiếng chuông thiêng liêng phát ra hướng đến cõi Phong Đô.
 - Thần: thiêng liêng.
 - Thinh: tiếng.
 - Phóng: phát ra.
- ❖ C.2: Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát mở cửa phóng thích các tội hồn.
 - Xá: tha tội.
 - Cô: tội lỗi.
- ❖ C.3: ĐĐTKPĐ vận chuyển làm hiện ra một lần ánh sáng vàng (tạo thành một chiếc cầu bắc đến cõi Phong Đô).
- ❖ C.4: Các chơn hồn ở Phong Đô sám hối tội tình thì đi ra khỏi nơi tối tăm ấy bằng con đường là lần kim quang nói trên.
 - Âm hồn: chơn hồn nơi cõi Âm.

- **U:** tối tăm.
- **Đồ:** con đường.

▶ **KHẢO DỊ:**

Trong Quyển Tứ Thời Nhứt Tụng Kinh của hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhứt và Ngọc Lịch Nguyệt in năm 1928, nơi trang 42, bài Kệ trên gọi là: Chung Xướng, chép ra như sau:

*Chung thính khấu hướng triệt Phong Đô,
Địa Tạng khai ân phóng xá cô.
Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,
Sám hối âm hôn xuất u đồ.*

- **Khấu:** cúi đầu.
- **Triệt:** thấu tới.
- **Ân:** ơn.

II. KỆ CHUÔNG CÚNG TỬ THỜI

Trước khi vào cúng Tử thời nơi Thánh Thất hay Điện Thờ, thì kệ chuông hai lần. Khi nghe dứt 3 tiếng chuông kệ lần nhứt thì lo mặc Đạo phục chỉnh tề, đi vào đại điện đứng theo vị trí của mỗi người, chờ kệ chuông nhì.

Khi nghe 3 tiếng chuông kệ lần thứ nhì thì xá đàn, bước vào đại điện, bắt đầu thời cúng.

1. KỆ CHUÔNG NHỨT:

1. VĂN CHUNG KHẤU HƯỚNG HUỆ TRƯỞNG CÀN KHÔN,
2. PHÁP GIỚI CHÚNG SANH ĐỒNG ĐĂNG BỈ NGẠN.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

▶ **VIẾT RA HÁN VĂN:**

聞鍾叩向慧長乾坤
法界眾生同登彼岸

(Câu mật chú bằng tiếng Phạn, phiên âm ra)

► **GIẢI NGHĨA:**

❖ **Câu 1.** Nghe tiếng chuông, cúi mình xuống hướng về cái trí huệ lớn của Trời Đất.

- **Văn:** nghe.
- **Khấu:** cúi xuống.
- **Huệ:** trí huệ.
- **Trưởng:** lớn.

❖ **Câu 2:** Như sanh nơi các cõi trần cùng lên bờ giải thoát.

- **Pháp giới:** các cõi trần.
- **Chúng sanh:** chỉ như sanh.
- **Bỉ ngạn:** bờ bên kia. Bên này là Bên mê, bờ bên kia là giác ngộ, từ đây đi vào cõi TLHS, giải thoát khỏi luân hồi.

❖ **Câu 3:** Câu mật chú bằng tiếng Phạn, phiên âm ra, có ý nghĩa là: *Cầu nguyện cho chúng sanh tiêu tai tăng phước, thành tựu Phật đạo, cầu chư Phật chứng minh*

► **KHẢO DỊ:**

Theo Tờ Phúc trình của Chí Thiện Huỳnh Văn Phương gửi lên Đức Phạm Hộ Pháp 3 Bài Kệ chuông thì Câu 1 là: *Văn chung khấu hướng huệ **chuông** Càn Khôn.* (Chuông là nắm giữ.)

2. KỆ CHUÔNG NHÌ:

1. NHỨT VI U ÁM TẮT GIAI VĂN,

2. NHỨT THIẾT CHÚNG SANH THÀNH CHÁNH GIÁC.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

▶ VIẾT RA HÁN VĂN:

一圍幽暗必皆聞
一切眾生成正覺

▶ GIẢI NGHĨA:

❖ **Câu 1:** *Nhứt vi u ám tất giai văn:* Tất cả trong phạm vi cõi Phong Đô ắt hẳn đều nghe biết.

- ◻ **Nhứt:** tất cả.
- ◻ **Vi:** chu vi.
- ◻ **U ám:** tối tăm, chỉ cõi Phong Đô.
- ◻ **Tất:** ắt hẳn.
- ◻ **Giai:** đều.
- ◻ **Văn:** nghe.

❖ **Câu 2:** *Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác:* Tất cả nhưn sanh đều thành Phật.

- ◻ **Nhứt thiết:** tất cả.
- ◻ **Chúng sanh:** chỉ nhưn sanh.
- ◻ **Chánh giác:** bậc giác ngộ chơn chánh, đó là Phật.

❖ **Câu 3:** Mật chú, ý nghĩa giống như đã giải ở trên.

▶ KHẢO DỊ:

Trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, trang 616 có bài kệ Nguyệt Chung, xin chép ra sau đây:

“Nguyệt thử chung thính siêu pháp giới,
Thiết vi u ám tất giai văn,
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,
Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác.”

► NGHĨA LÀ:

- *Nguyện cho tiếng chuông này vượt qua toàn cõi pháp giới,*
- *Cho đến nơi u ám là cõi Địa ngục sắt cũng được nghe,*
- *Nghe được thì thanh tịnh, chứng được cảnh trí viên thông,*
- *Tất cả chúng sanh đều thành Phật.*
- ◻ **Thiết:** sắt.
- ◻ **Vi:** vây quanh.
- ◻ **Thiết Vi:** là núi Thiết Vi tức là Thiết Vi sơn, núi có tường sắt vây quanh, trong đó có nhiều cõi Địa ngục, giam cầm và trừng phạt các tội hồn.
- ◻ **Nhứt thiết:** tất cả. Có gì lầm lộn không khi chúng ta viết Nhứt vi mà bên Phật giáo viết là Thiết vi?

3. KỆ CHUÔNG BÃI ĐÀN:

Sau khi cúng xong, chờ kệ 3 câu này rồi mới bãi đàn.

Trước khi kệ, động 3 tiếng chuông, rồi bắt đầu kệ, dứt một câu kệ thì đồng một tiếng chuông, 3 câu kệ động 3 tiếng chuông. Dứt kệ chuông thì xá đàn một xá rồi bãi đàn, mọi người đi ra khỏi đàn cúng.

1. ĐÀN TRÀNG VIÊN MÃN, CHÚC SẮC QUI NGUYÊN, VĨNH MỘC TỪ ÂN, PHONG ĐIỀU VÔ THUẬN.
2. THIÊN PHONG HẢI CHÚNG, QUỐC THỚI DÂN AN, HỒI HƯỚNG ĐÀN TRƯỜNG, TẬN THẬU PHÁP GIỚI.
3. ÁN DÀ RA ĐỂ DẠ TA BÀ HA.

► VIẾT RA HÁN VĂN:

壇場圓滿，職色歸源，
永沐慈恩，風調雨順，

天封海眾，國泰民安，
回向壇場，盡收法界。

► **GIẢI NGHĨA:**

- ❖ **Câu 1:** Đàn cúng tế đã đầy đủ trọn vẹn, Chúc sắc trở lại chỗ cũ, gọi nhuần lâu dài ơn huệ của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, được mưa thuận gió hòa.
 - **Đàn tràng** tức là **Đàn trường**: chỉ đàn cúng tế.
 - **Qui nguyên**: trở về chỗ khởi đầu.
 - **Vĩnh**: lâu dài.
 - **Mộc**: gọi, gọi nhuần.
 - **Từ**: Từ bi, chỉ Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu.
- ❖ **Câu 2:** Trời ban cho dân chúng, nước thanh dân yên, hồi hướng công đức nơi đàn cúng, thâu hết các cõi của pháp.
 - **Hải chúng**: biển người, chỉ dân chúng.
 - **Hồi hướng**: ý nói hồi hướng công đức, chuyển công đức này hướng về một chỗ nào đã định.
 - **Tận**: hết.
 - **Thâu**: thu vào.
 - **Tận thâu**: thu hết vào.
 - **Pháp giới**: Pháp giới có nhiều nghĩa, nhưng nghĩa thường dùng thì có 5 trường hợp sau đây:
 1. Pháp giới là cảnh giới của pháp, nói vắn tắt là : cõi. Cõi trần, cõi thiêng liêng, cõi địa ngục đều là Pháp giới.
 2. Pháp giới là phạm vi của Pháp, bao gồm các Pháp hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi là Thể pháp, Pháp vô vi là Bí pháp.

3. Pháp giới là cơ quan tạo hóa ra vạn vật trong CKVT.
4. Pháp giới là bí pháp huyền diệu, pháp thuật mẫu nhiệm.
5. Pháp giới là phạm vi pháp luật, nói tắt là : pháp luật.

❖ **Câu 3:** Câu mật chú bằng tiếng Phạn phiên âm ra, xem ý nghĩa đã giải ở trên.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KỆ TRỐNG

A: The short prayer of drum.

P: La courte prière de tambour.

- **Kệ:** Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện.
- **Trống:** cái trống lớn treo nơi Lôi Âm Cổ Đài (Lâu trống) của Thánh Thất, nên cái trống đó được gọi là Lôi Âm Cổ. (Cổ là cái trống)

Kệ trống, tiếng Hán gọi là Cổ xướng, là bài kệ ngắn để ngâm lên khi bắt đầu đánh trống.

Khi Lễ sĩ xướng Lôi Âm Cổ khởi, vị hầu trống cầm dùi đánh 3 tiếng trống, rồi khởi ngâm bài kệ trống, dứt mỗi câu kệ thì đánh một tiếng trống.

Bài kệ trống Lôi Âm:

1. LÔI ÂM THÁNH CỔ TRIỆT HƯ KHÔNG,
2. TRUYỀN TẤU CÀN KHÔN THẾ GIỚI THÔNG.
3. ĐẠO PHÁP ĐƯƠNG KIM ĐƯƠNG CHÁNH GIÁO,
4. LINH QUANG CHIẾU DIỆU NGỌC KINH CUNG.

► VIẾT RA HÁN VĂN:

雷音聖鼓徹虛空
傳奏乾坤世界通
道法當今揚正教
靈光照耀玉京宮

► GIẢI NGHĨA:

- ❖ **Câu 1:** Tiếng trống Lôi Âm, thiêng liêng thấu suốt các cõi Hư không.
 - **Thánh:** thiêng liêng.
 - **Cổ:** cái trống.
 - **Triệt:** thấu suốt.
 - **Hư không:** cõi Hư Vô thiêng liêng.
- ❖ **Câu 2:** Tiếng trống truyền đi để tỏ bày cho cả CKTG rõ.
 - **Tấu:** tỏ bày.
 - **Thông:** biết rõ.
- ❖ **Câu 3:** Giáo lý của Đạo Cao Đài hiện nay nêu cao cho mọi người biết đây là một nền tôn giáo chơn chánh.
 - **Đạo pháp:** giáo lý của Đạo.
 - **Đương kim:** hiện nay.
 - **Dương:** nêu cao.
- ❖ **Câu 4:** Ánh sáng thiêng liêng chiếu sáng rực rỡ tòa Bạch Ngọc Kinh.
 - **Linh:** thiêng liêng.
 - **Chiếu diệu:** chiếu sáng rực rỡ.
 - **Ngọc Kinh Cung:** tòa nhà Bạch Ngọc Kinh, nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng

Đế:

CKTG: Càn. Khôn. Thế giới.

KỆ U MINH CHUNG

偈幽冥鍾

- **Kệ**: Những bài thi ngắn hay dài: hoặc để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một bài kinh, hoặc để răn dạy đệ tử, hoặc để cầu nguyện.
- **U**: tối tăm.
- **Minh**: mờ.
- **Chung**: tiếng chuông.

Cõi U Minh là cõi tối tăm mờ mịt, khi xưa thường nói là U Minh Địa phủ, Âm phủ, Địa ngục, Phong Đô, là cõi của linh hồn người chết; ngày nay Đạo Cao Đài gọi là cõi Âm Quang, là nơi để các tội hồn đến đó để tự xét mình, xem xét các tội lỗi trong kiếp sanh vừa qua để ăn năn sám hối, cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt. (Xem chi tiết nơi chữ: Âm quang, vãn Â, Cao-Đài Từ Diển).

Kệ U Minh chung là bài kệ ngâm lên kèm theo tiếng chuông thấu đến cõi Âm Quang để thức tỉnh các chơn hồn tội lỗi, biết ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng thiêng liêng cứu vớt.

Hàng năm, suốt trong 3 tháng của 3 ngươn: Tháng giêng (Thượng ngươn), tháng 7 (Trung ngươn) và tháng 10 (Hạ ngươn), nơi các Thánh Thất và Điện Thờ từ trung ương đến các địa phương đều cử người thường trực luân phiên ngâm kệ và động chuông U Minh suốt ngày đêm từ ngày mùng 1 cho đến ngày 30 cuối tháng

mới chấm dứt.

Bài Kệ U Minh Chung gồm cả thầy 34^[1] câu cầu nguyện, xin chép ra và giải thích từng câu sau đây:

1. HỒNG CHUNG SƠ KHẤU, BẢO KỆ CAO NGÂM.

Bắt đầu động vào cái chuông lớn và cao giọng ngâm bài kệ quý báu.

- **Hồng chung:** cái chuông lớn.
- **Sơ:** bắt đầu.
- **Khấu:** gõ chuông.
- **Bảo kệ:** bài kệ quý.
- **Cao ngâm:** cất cao giọng ngâm bài kệ.

2. THƯỢNG THÔNG THIÊN ĐÀNG, HẠ TRIỆT ĐỊA PHỦ.

Ở trên thì thông suốt đến các cõi Trời, ở dưới thì thấu suốt đến cõi Âm Quang.

- **Thiên đàng:** Thiên đường, các cõi Trời.
- **Triệt:** thấu triệt, thông suốt.
- **Địa phủ:** chỉ cõi Âm Quang.

3. KHÁNH CHÚC TAM KỲ HOÀNG KHAI ĐẠI ĐẠO.

Chúc mừng ĐĐTKPĐ mở rộng cửa truyền bá khắp nơi.

- **Khánh chúc:** chúc mừng.
- **Hoàng khai:** mở rộng ra.

4. CÀN KHÔN ĐẠI THỐNG, PHỔ CẬP NGŨ CHÂU.

Thống quản toàn cả CKTG, phổ cập khắp cả Năm Châu.

[1] chiếu theo bản do Ngài Hiến Pháp Chương Quân HTĐ Trương Hữu Đức ban hành ngày 31-12-1973 thì toàn bài Kệ U Minh Chung chỉ có 31 câu.-TN

- **Càn Khôn**: Trời Đất, tức là CKVT hay CKTG.
- **Đại thống**: thống quản tất cả.
- **Phổ cập**: đều khắp mọi nơi.
- **Ngũ Châu**: 5 Châu, chỉ toàn thế giới.

5. ÂN ĐỨC HÓA THÂM CAO THĂNG ĐẠO VỊ.

Ôn đức giáo hóa sâu đậm làm tăng cao phẩm vị trong Đạo.

- **Hóa**: giáo hóa.
- **Thâm**: sâu.
- **Cao thăng**: tiến vượt lên cao.
- **Đạo vị**: phẩm vị trong Đạo.

6. TAM THẾ TỨ SANH CHI NỘI CÁC MIỄN LUÂN HỒI.

Thời gian ba đời, tất cả các loài sanh vật nội trong Tứ sanh đều khỏi phải luân hồi chuyển kiếp.

- **Tam thế**: 3 đời: quá khứ, hiện tại, tương lai.
- **Tứ sanh**: 4 loài sanh vật, chia theo cách sanh: Thấp sanh, Hóa sanh, Noãn sanh, Thai sanh. Thấp sanh là sanh ra ở nơi ẩm thấp như trùng, dế. Hóa sanh là sanh ra do sự biến hóa như ruồi, muỗi. Noãn sanh là sanh ra bằng trứng như gà, vịt, chim. Thai sanh là sanh ra bằng thai như bò, trâu, chó, mèo, người.
- **Chi nội**: ở trong.
- **Các**: tất cả.
- **Miễn**: khỏi.

7. CỬU U THẬP LOẠI CHI TRUNG TẤT LY KHỔ HẢI.

Mười loại chơn hồn trong chín cửa Địa ngục ắt hẳn là khỏi biển khổ.

- **Cửu U:** 9 cõi tối tăm. Đó là 9 cửa Địa ngục giam giữ và trừng trị các tội hồn, còn cửa Địa ngục thứ 10 do Chuyển Luân Vương cai quản xem xét việc cho các hồn đi đầu thai. Xem chữ : Cửu U, vần C; Địa ngục, vần Đ.
- **Thập loại:** 10 loài. Đây là 10 loại chơn hồn nơi cõi Địa ngục, do những cách chết khác nhau nơi cõi trần. Thi hào Nguyễn Du có làm bài văn tế Thập loại chúng sinh là để cúng tế và cầu siêu cho 10 loại vong hồn này, kể ra:
 - Trận bại chết vì bại trận,
 - Thương vong bị thương chết,
 - Tự vận tự đâm cổ chết,
 - Tự ả tự thắt cổ chết,
 - Tự tử tự giết mình chết,
 - Tự trẫm tự mình nhảy xuống sông chết,
 - Hỏa thiêu chết cháy,
 - Xà thương chết vì rắn độc cắn,
 - Hồ giảo chết vì cọp ăn thịt,
 - Trầm nịch chết vì bị chìm tàu, ghe.
- **Chi trung:** ở trong.
- **Tất:** ắt hẳn.
- **Ly:** lìa xa.
- **Khổ hải:** biển khổ. Ý nói những nỗi đau đớn khổ sở nhiều như nước biển.

8. NGŨ PHONG THẬP VŨ MIỄN TẠO CƠ CẢN CHI TAI.

Năm gió mười mưa xin miễn tạo ra tai nạn mất mùa.

- **Ngũ phong:** 5 gió, ý nói các thứ gió ở các hướng.

- **Thập vũ:** 10 thứ mưa, ý nói các thứ mưa lớn nhỏ.
- **Miễn tạo:** khỏi phải tạo ra.
- **Cơ:** mất mùa lúa.
- **Cản:** mất mùa rau.
- **Cơ cản chi tai:** tai nạn mất mùa.

9. NAM MẪU ĐÔNG GIAO CU TRIÊM NGHIÊU THUẤN CHI NHỰT.

Đất đai trong nước đều thắm nhuận thời thái bình an lạc.

- **Mẫu:** một mẫu đất.
- **Nam mẫu:** chỉ đất ở phía Nam.
- **Giao:** đất ngoại thành.
- **Đông giao:** đất ngoại thành phía Đông.
- **Nam mẫu Đông giao** là ý nói đất đai trong nước. **Cu:** còn đọc là Câu: toàn, đều.
- **Triêm:** thắm ướt.
- **Nghiêu Thuấn chi nhựt:** ngày Nghiêu Thuấn. Dưới triều vua Nghiêu và Thuấn, dân chúng sống trong thái bình, hạnh phúc, thịnh vượng. Ngày Nghiêu Thuấn là thời thái bình an lạc.

10. CAN QUA VĨNH TỨC, GIÁP MÃ HỮU CHINH.

Việc chiến tranh ngưng lại lâu dài.

- **Can qua:** cái khiên và cây giáo, chỉ việc chiến tranh.
- **Vĩnh:** lâu dài.
- **Tức:** ngưng lại.
- **Giáp mã:** áo giáp và ngựa, chỉ việc chiến tranh.
- **Hữu:** nghỉ.
- **Chinh:** đánh nhau, chinh chiến.

11. TRẬN BẠI THƯƠNG VONG CỤ SANH TỊNH ĐỘ.

Những người chết vì bại trận bị thương tích đều được sanh về cõi CLTG.

- **Trận bại**: thua trận.
- **Thương vong**: chết vì bị thương tích.
- **Cụ**: đầy đủ.
- **Tịnh độ**: cõi đất tinh sạch của Phật. **Cõi tịnh độ** là cõi CLTG do Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo chủ.

12. PHI CẦM TẤU THÚ LA VÕNG BẮT PHÙNG.

Chim bay thú chạy không gặp lưới rập đánh bắt.

- **Phi cầm**: loài chim bay.
- **Tấu thú**: loài thú chạy.
- **La**: lưới.
- **Võng**: lưới.
- **La võng**: chỉ chung các loại lưới của thợ săn giăng ra để bắt chim muông hay thú vật.
- **Bắt phùng**: không gặp.

13. LÃNG TỬ CÔ NHI TẢO HỒI HƯƠNG LÝ.

Kẻ lang thang, trẻ mồ côi sớm trở về quê hương xứ sở.

- **Lãng tử**: kẻ sống lang thang rày đây mai đó.
- **Cô nhi**: trẻ mồ côi.
- **Tảo**: sớm.
- **Hồi**: đi trở về.
- **Hương**: làng.
- **Lý**: nơi ở. Hương lý là quê hương.

14. VÔ BIÊN THỂ GIỚI ĐỊA CỬU THIÊN TRƯỜNG.

CKTG rộng rãi vô biên, Trời Đất trường cửu.

- **Vô biên:** không biên giới.
- **Địa cửu Thiên trường:** Thiên Địa trường cửu, Trời Đất bền vững lâu dài.

15. VIỄN CẬN ĐÀN NA TĂNG VIÊN PHƯỚC THỌ.

Những người bố thí ở xa cũng như ở gần đều được gia tăng hạnh phúc và sống lâu.

- **Viễn:** xa.
- **Cận:** gần.
- **Đàn-na:** đây là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn có nghĩa là: thí chủ, người bố thí.
- **Tăng:** thêm.
- **Viên:** tròn, đầy.
- **Phước:** may mắn tốt lành.
- **Thọ:** sống lâu.

16. THÁNH TÒA TRẦN TỊNH, ĐẠO PHÁP TRƯỜNG HƯNG.

Tòa Thánh được gìn giữ yên tịnh, đạo pháp hưng thịnh lâu dài.

- **Trần:** gìn giữ.
- **Tịnh:** yên tịnh.
- **Trường:** lâu.
- **Hưng:** thịnh.

17. THỔ ĐỊA LONG THÂN AN TĂNG HỘ PHÁP.

Các vị Thần Thổ Địa, các vị Long Thân giúp yên cho người tu hành và hộ trì Đạo pháp.

- **Thổ Địa:** các vị Thần đất, cai quản đất đai.
- **Long Thân:** các vị Thần Rồng.
- **An:** làm cho an ổn.

- **Tăng:** người xuất gia tu hành.
 - **Hộ:** gìn giữ.
 - **Pháp:** pháp luật của Đạo.
18. PHỤ MẪU, SƯ TRƯỞNG, LỤC THÂN QUYẾN THUỘC,
19. LỊCH ĐẠI TIÊN VONG ĐỒNG ĐẰNG GIÁC NGẠN.^[1]
- Cha mẹ, bậc thầy và người trên trước, sáu người thân yêu trong thân tộc, Tổ Tiên đã chết qua nhiều đời, cùng đi lên bờ giác ngộ, giải thoát khỏi luân hồi.*
- **Phụ mẫu:** cha mẹ.
 - **Sư:** thầy.
 - **Trưởng:** người trên trước.
 - **Lục thân:** 6 người thân yêu: cha, mẹ, vợ, con, anh, em.
 - **Quyến thuộc:** người thân yêu trong nhà.
 - **Lịch:** trải qua.
 - **Đại:** đời.
 - **Tiên vong:** Tổ tiên đã chết.
 - **Đồng:** cùng.
 - **Đặng:** đi lên.
 - **Giác ngạn:** bờ giác ngộ.
20. NAM MÔ HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.
21. NAM MÔ ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.
22. NAM MÔ TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THẾ TÔN.

[1] **Lưu ý:** Trong quyển **Cao-Đài Từ Điển** của HT Nguyễn Văn Hồng thì các câu 18 và 19 nhập chung thành câu 18, chúng tôi phân đoạn lại câu 18 và 19 theo đúng như quyển **Kinh Thiên Đạo** và **Thế Đạo 1975** do Hội-Thánh ban hành.

23. NAM MÔ THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.
24. NAM MÔ KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHÔ THẠNH THẾ THIÊN TÔN.
25. NAM MÔ THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.
26. NAM MÔ LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.
27. NAM MÔ HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.
28. NAM MÔ GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.
29. NAM MÔ THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUẢNG PHÁP THIÊN TÔN
30. NAM MÔ TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.
31. NAM MÔ THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHUỖNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.
 - ***Thập phương chư Phật:*** chư Phật ở 10 phương.
 - ***10 phương đó là:*** Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới.
 - ***Vạn chủng:*** Vạn chủng, nghĩa là muôn loài.
 - ***Vạn chủng chư Tiên:*** các vị Tiên bao gồm nhiều cấp bậc, ở khắp các nơi.
 - ***Liên đài:*** tòa sen.
 - ***Liên đài chi hạ:*** phía dưới tòa sen. Tòa sen là đài ngự cho Bồ Tát và Phật. Đứng dưới tòa sen là chỉ các vị Thánh và Thần, ở cấp bậc thấp hơn Phật và Bồ Tát.

Câu 31^[1]: Cầu nguyện chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ở khắp các nơi trong CKVT.

[1] Theo như sự trình bày của quyển Cao-Đài Từ Điển là 30

Các câu cầu nguyện từ câu 20^[2] đến câu 31^[3] giống như trong Sớ Văn thượng tấu. Trước hết là cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, kế đó cầu nguyện Tam Tông Chơn Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, rồi cầu nguyện với Giáo Chủ Thánh đạo và Thần đạo, cầu nguyện với Đức Hộ Pháp và cuối cùng cầu nguyện chung với tất cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

ĐĐTKPĐ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

CKVT: Càn Khôn Vũ Trụ.

CKTG: Càn Khôn Thế giới.

CLTG: Cực Lạc Thế giới.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Nghi Tiết Đại Đàn & Tiểu Đàn – 1930**
- **Kinh Thiên Đạo & Thế Đạo – 1975**
- **Cao-Đài Từ Điển** của HT. Nguyễn Văn Hồng

[2] Theo như sự trình bày của quyển Cao-Đài Từ Điển là 19

[3] Theo như sự trình bày của quyển CĐTĐ là 30

Các Bài KỆ Trong Nghi Lễ
ĐẠO CAO ĐÀI
HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG